Nội dung	30/06/2019				01/01/2019			
	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (CP)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)
Chứng khoán niêm yết		-	-	-		-	-	-
Chứng khoán chưa niêm yết (*)		**9.321.968.241**	**9.321.968.241**	-		**9.106.968.241**	**9.106.968.241**	-
- Cổ phần Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Gia Định (GDI)	25.267	318.171.509	318.171.509	-	25.267	318.171.509	318.171.509	-
- Công ty CP DV Sản Xuất Thương Mại (CPS)	730.970	6.453.796.732	6.453.796.732	-	473.378	6.453.796.732	6.453.796.732	-
- Công ty CP SX và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PVOIL PM)	300.000	2.550.000.000	2.550.000.000	-	100.000	850.000.000	850.000.000	-
- Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Tây Ninh (TAMICO)	-	-	-	-	110.000	1.485.000.000	1.485.000.000	-
Cộng		**9.321.968.241**	**9.321.968.241**	-		**9.106.968.241**	**9.106.968.241**	-

(*) Ghi chú: Cổ phiếu chưa niêm yết không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ nên được theo dõi bằng với giá gốc của khoản đầu tư.

Nội dung	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước	**122.038.616.565**	**109.450.016.565**	**(12.588.600.000)**	**207.927.326.565**	**199.780.024.565**	**(8.147.302.000)**
Cổ phiếu niêm yết	**107.450.000.000**	**94.861.400.000**	**(12.588.600.000)**	**107.450.000.000**	**96.142.000.000**	**(11.308.000.000)**
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG)	5.700.000.000	3.286.400.000	(2.413.600.000)	5.700.000.000	3.192.000.000	(2.508.000.000)
Công ty CP Đầu tư PT DV Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai (DL1)	101.750.000.000	91.575.000.000	(10.175.000.000)	101.750.000.000	92.950.000.000	(8.800.000.000)
Cổ phiếu không niêm yết (*)	**14.588.616.565**	**14.588.616.565**	**-**	**100.477.326.565**	**103.638.024.565**	**3.160.698.000**
Ngân hàng TMCP Kiên Long (KLB)	-	-	-	85.888.710.000	89.049.408.000	3.160.698.000
Cty CP Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Thừa Thiên Huế (TICCO)	136.500.000	136.500.000	-	136.500.000	136.500.000	-
CT CP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại (CPS)	10.879.611.565	10.879.611.565	-	10.879.611.565	10.879.611.565	-
Cty CP Khai thác Khoáng sản Tây Ninh (TAMICO)	3.572.505.000	3.572.505.000	-	3.572.505.000	3.572.505.000	-
b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Cộng	**122.038.616.565**	**109.450.016.565**	**(12.588.600.000)**	**207.927.326.565**	**199.780.024.565**	**(8.147.302.000)**

(*) Ghi chú: Cổ phiếu không niêm yết không có cơ sở để xác định giá trị thị trường tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ nên được ghi nhận bằng với giá trị đầu tư.